

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05/9/2022
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Phương Thảo

Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2022, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 524/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V – Sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện J, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông Mai Thành M – Sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A, địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Tôi kết hôn với ông Mai Thành M vào ngày 18/7/2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện J, tỉnh Đắk Nông. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, sau đó ông M bị kết án và đang chấp hành án tại Trại giam A, địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Hiện nay ông Mai Thành M đang chấp hành án và đồng ý ly hôn và giải quyết để bà V nuôi con chung, nên bà Nguyễn Thị V đề nghị được ly hôn với ông Mai Thành M và giải quyết vấn đề con chung, bà V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Nguyễn Trúc Q – Sinh ngày: 12/02/2012 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Mai Thành M trình bày:*

Năm 2011 tôi kết hôn với bà Nguyễn Thị V, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện J, tỉnh Đắk Nông.

Trong quá trình sống chúng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nay bà V có nguyện vọng xin được ly hôn với tôi thì ý kiến của tôi là đồng ý.

Hiện nay tôi đang thụ án nên không có điều kiện để chăm sóc con cái. Nên tôi và bà V đã thống nhất để bà V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Nguyễn Trúc Q – Sinh ngày: 12/02/2012 đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi đồng ý với ý kiến của bà V.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V; cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Mai Thành M.

Về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn Trúc Q – Sinh ngày: 12/02/2012 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tự khai của nguyên đơn, bị đơn, phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, bị đơn ông Mai Thành M. Bà Nguyễn Thị V và ông Mai Thành M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị V và ông Mai Thành M theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị V và ông Mai Thành M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/7/2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã

C, huyện J, tỉnh Đắk Nông, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V, ý kiến và nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống vợ chồng bà V, ông M có xảy ra mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Mai Thành M và ông M cũng đồng ý ly hôn với bà V. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Mai Thành M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Mai Thành M.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Mai Thành M có 01 con chung là cháu Mai Nguyễn Trúc Q – Sinh ngày: 12/02/2012.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Mai Nguyễn Trúc Q – Sinh ngày: 12/02/2012 đang sinh sống với bà V và bà V cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu. Ông M cũng đồng ý để bà V trực tiếp nuôi dưỡng cháu, do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, nên cần giao cháu Q cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Ông Mai Thành M được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Mai Thành M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 241, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Mai Thành M.

- Về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn Trúc Q – Sinh ngày: 12/02/2012 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Ông Mai Thành M được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Nguyễn Thị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019641 ngày 13/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Mai Thành M không phải chịu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã C, huyện J, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh